

## **PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

(Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2021)

*Ghi chú:*

- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do
<b>PHẦN I</b>	<b>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	
<b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>		
<p><b>Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Quy chế này quy định về nguyên tắc, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc của Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.</p> <p>Quy chế này áp dụng cho mọi hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát để đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực và kịp thời mọi hoạt động của Ban kiểm soát.</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên, cơ chế hoạt động, giám sát của Ban Kiểm soát và mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công HABECO và các quy định khác có liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên HABECO.</p>	<p>Tham chiếu Điều 1 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<b>PHẦN II</b>	<b>CHƯƠNG II. KIỂM SOÁT VIÊN</b>	
<b>QUY ĐỊNH CỤ THỂ</b>		
<b>Điều 3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên</b>	<b>Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên</b>	<p>Đổi tên điều theo Điều 3 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>1. Tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của HABECO. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</p> <p>2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ HABECO, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO.</p> <p>4. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.</p> <p>6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại cho HABECO hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho HABECO.</p>	<p>1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ HABECO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO.</p> <p>3. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông HABECO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.</p> <p>5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho HABECO hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của HABECO.</p>
--	--

<p><b>Điều 4. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động</b></p>	<p><b>Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên</b></p>	<p>Đổi tên điều theo Điều 4 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm bằng thẻ thức bỏ phiếu kín, theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Các kiểm soát viên bầu 01 người trong số các kiểm soát viên làm Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của HABECO.</p> <p>4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	<p>1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.</p> <p>4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	
<p><b>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b></p>	<p><b>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b></p>	

<p>1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; có năng lực và trình độ chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị doanh nghiệp; phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>3. Không phải vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác tại HABECO.</p> <p>4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của HABECO.</p> <p>5. Không là thành viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện các báo cáo tài chính của HABECO trong vòng ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>6. Kiểm soát viên không đồng thời là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của HABECO và cũng không là người có liên quan với các chức danh kể trên hoặc người quản lý khác.</p> <p>7. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại HABECO.</p>	<p>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của HABECO.</p> <p>3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của HABECO; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp; người đại diện phần vốn nhà nước tại HABECO; Không phải là người quản lý HABECO; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của HABECO; không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của HABECO;</p> <p>3. Không là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của HABECO trong vòng ba (03) năm liền trước đó</p> <p>4. Tiêu chuẩn và các điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ HABECO.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với quy định của Điều lệ HABECO</p>
	<p><b>Điều 6. Cách thức bầu Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số</p>	<p>Tham chiếu Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 8 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	thành viên quy định tại Điều lệ HABECO. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.		Tham chiếu Điều 9 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>	<b>Điều 7. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>		
<p>1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến Đại hội đồng cổ đông kỳ họp gần nhất quyết định.</p> <p>2. Trường Ban kiểm soát muốn từ chức Trường ban, phải gửi đơn từ chức cho Ban kiểm soát để Ban bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.</p> <p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>c. Có đơn xin từ chức.</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho HABECO thì HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để đề nghị xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.</p>	<p>Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Quy chế này;</li> <li>- Có đơn từ chức và được chấp thuận;</li> </ul> <p>Các trường hợp khác do Điều lệ HABECO quy định.</p> <p>b. Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>- Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO;</li> <li>- Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>		
	<b>Điều 8. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>		Tham chiếu điểm b Khoản 1 Điều 8 Quy chế CBTT Sản HSX
	1. Trường hợp Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, HABECO thực hiện		

	<p>công bố đơn xin từ nhiệm trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.</p> <p>2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát để bầu Kiểm soát viên, HABECO phải công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy chế này.</p> <p>3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thông báo trên trang thông tin điện tử của HABECO, báo cáo và công bố thông tin tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của HABECO niêm yết trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định được thông qua và theo thông báo, công bố theo các quy định pháp luật có liên quan khác về công bố thông tin.</p>	
	<b>CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT</b>	
<b>Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 9. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</b>	Cập nhật theo quy định của Luật

<p>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của HABECO, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của HABECO.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của HABECO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO.</p> <p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của HABECO.</p>	<p>Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành HABECO.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của HABECO, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của HABECO.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của HABECO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.</p>
---	---



<p>7. Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.</p> <p>8. Khi phát hiện HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các cuộc họp khác của HABECO.</p> <p>10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của HABECO để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO.</p> <p>13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ HABECO và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.</p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của HABECO.</p> <p>10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của HABECO để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>12. Kiểm tra từng đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của HABECO theo đề nghị của cổ đông.</p> <p>13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp cần thiết.</p> <p>14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO; tổ chức kiểm toán được chấp</p>
--	--

thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính HABECO, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ HABECO của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chúng kiến, giám sát Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ HABECO và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

<p><b>Điều 8. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 10. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</b></p>	
<p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của HABECO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của HABECO làm việc.</p> <p>4. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý điều hành và hoạt động kinh doanh của HABECO theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>5. Các nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các cổ đông, thành viên HĐQT.</p> <p>6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.</p>	<p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p> <p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;</p> <p>b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành.</p> <p>5. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của HABECO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của HABECO trong giờ làm việc.</p> <p>6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của HABECO theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát</p>	<p>điều 171 Luật Doanh nghiệp</p>
	<p><b>Điều 11. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Tham chiếu Điều 13 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp</p>	

	<p>luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giám quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ HABECO;</p> <p>b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.</p> <p>2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho HABECO.</p> <p>3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được HABECO hoàn lại.</p>	<p><b>Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 12. Trưởng Ban kiểm soát</b></p>	<p>Tham chiếu Điều 6 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
--	---	---	---	--

<p>1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>a. Chuẩn bị các chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban kiểm soát.</p> <p>b. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên của Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc.</p> <p>c. Yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin liên quan cho Ban kiểm soát.</p> <p>d. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</p> <p>e. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ HABECO.</p> <p>f. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</p> <p>2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên</p> <p>a. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm soát viên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát.</p> <p>b. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khác phục các sai phạm nếu có.</p> <p>c. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát, tham gia góp ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.</p> <p>d. Tham gia các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</p> <p>3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Phân công cho thành viên của Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc;</p> <p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</p>
--	---

	<div>CHƯƠNG IV.</div> <div>CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT</div>	
<p><b>Điều 12. Chương trình hoạt động và các cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 13. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p>	
<p>Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập các cuộc họp thường kỳ của ban kiểm soát, lập chương trình họp, thời gian, địa điểm họp gửi đến các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp.</p>	<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	
	<p><b>Điều 14. Biên bản họp Ban kiểm soát</b></p>	
	<p>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự phải ký tên vào biên bản cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	
	<p><b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</b></p>	
	<p><b>Điều 15. Trình báo cáo hàng năm</b></p>	
	<p>Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo về kết quả kinh doanh của HABECO, về kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</li> <li>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.</li> <li>Các báo cáo của Ban kiểm soát tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải đảm bảo có các nội dung sau:</li> </ol>	<p>Tham chiếu Điều 16 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của HABECO;</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa HABECO, HABECO con, HABECO khác do HABECO nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa HABECO với HABECO trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;</p> <p>f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</p> <p>4. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết.</p>	
<b>Điều 9. Quyền lợi của Kiểm soát viên</b>	<b>Điều 16. Quyền lợi của Kiểm soát viên</b>	
<p>1. Kiểm soát viên chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Kiểm soát viên không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.</p>	<p>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;</p>	

<p>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập. Tổng mức thù lao, chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan.</p>	<p>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của HABECO.</p>		Tham chiếu Điều 164 Luật Doanh nghiệp
	<p><b>Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan</b></p> <p>1. Kiểm soát viên phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với HABECO, bao gồm:</p> <p>Kiểm soát viên phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với HABECO, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</li> <li>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</li> </ol> <p>Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với HABECO trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>2. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của HABECO và không được</p>		



	<p>sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa HABECO, công ty con, công ty khác do HABECO nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của HABECO hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
	<p><b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</b></p>	
	<p><b>Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát</b></p>	<p>Tham chiếu Điều 19 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ HABECO. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các Kiểm soát viên.</p>	
	<p><b>Điều 19. Mối quan hệ với ban điều hành</b></p>	<p>Tham chiếu Điều 20 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành HABECO, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.</p>	

	<p>2. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.</p> <p>3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của HABECO.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của HABECO, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.</p> <p>5. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p> <p>6. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Tham chiếu Điều 21 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị HABECO, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.</p>		

	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO.</p> <p>6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ HABECO.</p> <p>7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.</p> <p>8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<b>PHẦN III</b>	<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	
<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>		
<b>Điều 14. Sửa đổi bổ sung</b>	<b>Điều 21. Sửa đổi bổ sung</b>	
Trong quá trình thực hiện, Quy chế này sẽ được xem xét sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ HABECO và pháp luật hiện hành.	<p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HABECO chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HABECO</p>	
<b>Điều 15. Hiệu lực thi hành</b>	<b>Điều 22. Hiệu lực thi hành</b>	
Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.		Chi Ban kiểm soát – đối tượng

<p>Điều 16. Trách nhiệm thi hành</p> <p>Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban, Viện Kỹ thuật, Giám đốc các Nhà máy trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quy chế./.</p>	<p>1. Quy chế này gồm ... chương, ... Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng HABECO Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội thống nhất thông qua ngày ... tháng ... năm ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.</p> <p>3. Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên của Tổng HABECO Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	<p>áp dụng quy chế này, có trách nhiệm thi hành</p>
--	--	---